TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày: 23-09-2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận
2. Bà Ngô Thị Ân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện VKSND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T1

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T, Số E phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng TMCP T1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T – Chức danh: Phó phòng phụ trách phòng Tố tụng xử lý nợ - T2, theo văn bản ủy quyền số 05/2023/UQ-TPB, HĐQT ngày 18/10/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP T1

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Văn L, ông Nguyễn Mạnh H1, ông Trần Văn C.

- Bị đơn: Ông Hà Ngọc S - sinh năm: 1979
Bà Lê Thị V - sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Tại phiên tòa có mặt ông Ngô Văn L, ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T1 trình bày:

Ngân hàng TMCP T1 với ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng sau để vay vốn tại ngân hàng TMCP T1 chi tiết như sau:

1. Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 183/2019/HĐTD/TTTK.THA/ 01 ngày 28/6/2019, cụ thể:

+ Số tiền vay: 392.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu đồng);

+ Mục đích vay: Vay mua xe ô tô và thanh toán phí bảo hiểm an tâm tín dụng;

+ Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày 29/6/2019 đến ngày 28/6/2026

+ Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân, nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 28/6/2020 là 9,4 % / 01 năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 28/6/2026: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn tháng bằng VNĐ của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5 % / năm.

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Lịch trả nợ: Trả nợ gốc nhiều lần theo lịch trả nợ do T2 gửi khách hàng, trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/ 1 lần vào ngày 5.

+ Phí trả nợ trước hạn: the quy định của T2

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS màu nâu vàng, số khung RL4B23F39K5067810, số máy 2NRX457639, biển kiểm soát 36 A – 421.83 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072181 do công an tỉnh T cấp ngày 27/6/2019. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

2. Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T2 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 09/9/2019 với hạn mức 10.000.000 đồng và được T2 chấp thuận.

Trong quá trình vay vốn ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V đã thanh toán cho T2 tổng số tiền 337.594.639 đồng bao gồm, 210.000.015 đồng tiền nợ gốc và 127.594.624 đồng tiền nợ lãi. Từ tháng 05/2023 ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã cam kết.

- Nợ còn lại tạm tính đến ngày khởi kiện ngày 21 /3/2024 là:

+ Tổng số tiền còn nợ: 211.199.139 đ

+ Tiền nợ gốc: 181.999.985 đ

+ Tiền nợ lãi là 27.024.043 đ

+ Nợ thẻ tín dụng: 2.175.111 đ

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đôn đốc nhưng đến nay ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng mà chỉ trả được số tiền gốc 30.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền nợ gốc ông S và bà V đã trả trước thời điểm xét xử là 30.000.000 đồng và khoản tiền nợ thẻ tín dụng với số tiền 2.175.111 đồng. Đến nay, Ngân hàng TMCP T1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày xét xử ngày 23/09/2024 là 193.605.395 đ, trong đó: Tiền nợ gốc là 151.999.985 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 28.727.323 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.531.402 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 2.346.685 đồng. Yêu cầu ông S và bà V tiếp tục phải trả tiền lãi theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi tất toán khoản nợ. Nếu ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP T1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 183/2019/HĐTD/TTTK.THA/ 01 ngày 28/6/2019. Chi tiết tài sản bảo đảm như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS màu nâu vàng, số khung RL4B23F39K5067810, số máy 2NRX457639, biển kiểm soát 36 A – 421.83 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072181 do công an tỉnh T cấp ngày 27/6/2019

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2024 và tại phiên tòa bị đơn là bà Lê Thị V và ông Hà Ngọc S trình bày:

Ngày 28/6/2019 vợ chồng ông, bà có ký hợp đồng vay kiêm thế chấp xe ô tô và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T2 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 09/9/2019, hạn mức 10.000.000 đồng với Ngân hàng TMCP T1 số tiền vay 392.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lịch trả tiền nợ gốc và lãi là 01 tháng/ 01 lần. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS màu nâu vàng, số khung RL4B23F39K5067810, số máy 2NRX457639, biển kiểm soát 36 A – 421.83 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072181 do công an tỉnh T cấp ngày 27/6/2019. Đến tháng 5/2023 do điều kiện khó khăn nên ông, bà vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ không trả theo định kỳ cho ngân hàng như đã thỏa thuận được. Sau khi ngân hàng khởi kiện thì vợ, chồng bà có trả được cho ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Đến nay ông, bà xác định còn nợ ngân hàng TMCP T1 số tiền gốc là 151.999.985 đồng và lãi suất theo hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu vợ, chồng ông, bà phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên, do hoàn cảnh khó khăn nên ông, bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho vợ, chồng ông, bà trả tiền cho ngân hàng theo quý. Mỗi quý sẽ trả cho ngân hàng số tiền gốc 30.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX Áp dụng các Điều 275, 280, 292, 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, khoản 1 Điều 351, 357, 3, 463, 466, 468 BLDS; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V phải có trách nhiệm thanh toán bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi suất chậm trả theo hợp đồng đã ký. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ông S, bà V còn phải trả lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Trường hợp ông S, bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, T3 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu TOYATA VIOS, màu nâu vàng, số khung RL4B23F39K5067810, số máy 2NRX457639, BKS 36A-421.83 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072181 do Công an tỉnh T cấp ngày 27/6/2019.

- Về án phí: ông S, bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về tố tụng: Ngân hàng TMCP T1 và ông Hà Ngọc S bà Lê Thị V đang tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" do ông S và bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S và bà V vắng mặt không có lí do nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông S và bà V và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp hợp lệ ông S và bà V đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo

quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng mà ông S và bà V đã trả trước khi xét xử và rút yêu cầu đối với yêu cầu tiền nợ thẻ tín dụng với số tiền 2.175.111 đồng . Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự HĐXX chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu mà người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn rút yêu cầu.

[3]. Về hình thức của hợp đồng: Theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 183/2019/HĐTD/TTTK.THA/ 01 ngày 28/6/2019 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, việc ký kết hợp đồng giữa ông S và bà V với Ngân hàng TMCP T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, phần cuối hợp đồng có chữ ký của người vay tiền, người thế chấp tài sản là ông Hà Ngọc S, bà Lê Thị V chữ ký và đóng dấu của bên phía Ngân hàng. Việc này các đương sự đều thừa nhận. Nội dung của hợp đồng không vi pháp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp.

[4]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 183/2019/HĐTD/TTTK.THA/ 01 ngày 28/6/2019 ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V được Ngân hàng TMCP T1 cho vay số tiền là 392.000.000 đồng. Mục đích vay là để "*Mua xe ô tô và thanh toán tiền bảo hiểm"* thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất trong hạn theo HĐTD, lãi suất quán hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đến tháng 05/2023, ông S và bà V vi phạm nghĩa vụ không tiếp tục trả được nợ cho ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu cả ông S và bà V cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 357, 463, 466, 468 BLDS. Do đó buộc ông S và bà V phải trả cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền 193.605.395 đ, trong đó: Tiền nợ gốc là 151.999.985 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 28.727.323 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.531.402 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 2.346.685 đồng. Tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử là ngày 23/09/2024.

[5]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi, phí phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến ngày ông S và bà V thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Xét thấy thỏa thuận này đã được các bên giao kết trong Hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Nếu ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP T1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng

cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 183/2019/HĐTD/TTTK.THA/ 01 ngày 28/6/2019. Yêu cầu này là phù hợp với hợp đồng thế chấp tài sản hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến nguyên đơn sẽ chịu toàn bộ chi phí này không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 275, 280, 292, 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, khoản 1 Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với: Số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng mà ông S và bà V đã trả trước khi xét xử và yêu cầu trả tiền nợ thẻ tín dụng với số tiền 2.175.111 đồng

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1. Buộc ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V phải trả cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền là 193.605.395 đ (Một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm linh năm nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 151.999.985 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 28.727.323 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 10.531.402 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 2.346.685 đồng. Tiền nợ lãi và phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/09/2024.

Ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 183/2019/HĐTD/TTTK.THA/ 01 ngày 28/6/2019 đã ký kết giữa ngân hàng TMCP T1 với ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V.

3. Nếu ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP T1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 183/2019/HĐTD/TTTK.THA/ 01 ngày 28/6/2019. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS màu nâu vàng, số khung RL4B23F39K5067810, số máy

2NRX457639, biển kiểm soát 36 A – 421.83 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072181 do công an tỉnh T cấp ngày 27/6/2019.

3. Về án phí: Buộc ông Hà Ngọc S và bà Lê Thị V phải nộp 9.680.270 đ (Chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn hai trăm bảy mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền 5.280.000 đ (Năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002297 ngày 23/04/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Bùi Thị Bích Thuỷ **Trần Thị Dần** **Bùi Văn Tuấn**